HIỆN TRẠNG ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC CÔNG LẬP THUỘC UBND CẤP HUYỆN HIỆN NAY
(tính đến ngày 1/7/2025)

Phụ lục 1

STT	Tên đơn vị sự nghiệp giáo dục	Tổng số	Nơi đặt trụ sở *(Ghi rõ xã/phường/thị trấn hiện nay)*	Tổng số nhóm, lớp năm học 2024-2025	Số lượng người làm việc				HĐLĐ		Tình hình quản lý, sử dụng trụ sở và tài sản khác				Ghi chú
					Số lượng giao năm 2025	Số lượng hiện có tính đến ngày 20/5/2025	Số lượng nghỉ hưu, chế độ… từ ngày 20/5/2025 đến ngày 01/7/2025	Số lượng hiện có dự kiến tính đến ngày 01/7/2025	Số lượng HĐLĐ theo Nghị định số 111	Số lượng HĐLĐ khác	Số trụ sở làm việc	Diện tích trụ sở làm việc (m2)	Xe Ô tô (nếu có)	Tài sản cố định khác	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
I	**Cấp mầm non**	**22**	**0**	**218**	**549**	**548**	**2**	**549**	**0**	**0**	**62**	**111523.36**	**0**	**538**	**0**
	Trường Mầm non Bình Phước	1	Xã Bình Phước	8	21	20		21			1	800		27	Dự kiến tiếp nhận, bố trí thêm 01 viên chức về trường
	Trường Mầm non 24/3	1	Thị trấn Châu Ổ	19	44	44		44			3	9.428		32	
	Trường Mầm non Bình Khương	1	Xã Bình Khương	5	14	14		14			1	2.914		18	
	Trường Mầm non Bình Dương	1	Xã Bình Dương	9	23	23		23			1	3.659		22	
	Trường Mầm non Bình Châu	1	Xã Bình Châu	13	30	30		30			4	5.327		23	
	Trường Mầm non Bình Chương	1	Xã Bình Chương	8	20	20		20			3	5.016		30	
	Trường Mầm non Bình Trung	1	Xã Bình Trung	10	26	26		26			2	3.853		24	
	Trường Mầm non Bình Trị	1	Xã Bình Trị	12	28	28		28			4	6.689.96		22	
	Trường Mầm non Bình Hiệp	1	Xã Bình Hiệp	9	23	23		23			2	5.426		31	

STT	Tên đơn vị sự nghiệp giáo dục	Tổng số	Nơi đặt trụ sở *(Ghi rõ xã/phường/thị trấn hiện nay)*	Tổng số nhóm, lớp năm học 2024-2025	Số lượng người làm việc				HĐLĐ		Tình hình quản lý, sử dụng trụ sở và tài sản khác				Ghi chú
					Số lượng giao năm 2025	Số lượng hiện có tính đến ngày 20/5/2025	Số lượng nghỉ hưu, chế độ… từ ngày 20/5/2025 đến ngày 01/7/2025	Số lượng hiện có dự kiến tính đến ngày 01/7/2025	Số lượng HĐLĐ theo Nghị định số 111	Số lượng HĐLĐ khác	Số trụ sở làm việc	Diện tích trụ sở làm việc (m2)	Xe Ô tô (nếu có)	Tài sản cố định khác	
	Trường Mầm non Bình Nguyên	1	Xã Bình Nguyên	9	23	23		23			4	360		25	
	Trường Mầm non Bình Hòa	1	Xã Bình Hòa	9	23	23		23			1	6.016		23	
	Trường Mầm non Bình Đông	1	Xã Bình Đông	10	26	26		26			2	7.166		28	
	Trường Mầm non Bình Thạnh	1	Xã Bình Thạnh	13	34	34		34			6	5.899		27	
	Trường Mầm non Bình Thanh	1	Xã Bình Thanh	9	23	23		23			2	5.861		22	
	Trường Mầm non 18/3	1	Xã Bình Thuận	10	26	26		26			2	4.424.5		29	
	Trường Mầm non Bình Long	1	Xã Bình Long	5	14	14		14			2	2.131		34	
	Trường Mầm non Bình Hải	1	Xã Bình Hải	13	33	33		33			3	8.740.9		18	
	Trường Mầm non Bình Mỹ	1	Xã Bình Mỹ	9	23	23		23			5	8.666		26	
	Trường Mầm non Sao Mai	1	Xã Bình Chánh	13	33	33	1	33			2	5.495		27	
	Trường Mầm non Bình Tân Phú	1	Xã Bình Tân Phú	10	25	25	1	25			2	4.013		24	
	Trường Mầm non Bình An	1	Xã Bình An	5	14	14		14			2	2.230		11	
	Trường Mầm non Bình Minh	1	Xã Bình Minh	10	23	23		23			8	7.408		15	
II	**Cấp Tiểu học**	**22**	**0**	**406**	**694**	**686**	**0**	**694**	**0**	**0**	**49**	**202.196**	**0**	**1.040**	**0**
	Trường Tiểu học số 1 Thị trấn Châu Ổ	1	Thị trấn Châu Ổ	20	34	34		34			2	9.082.9		71	

STT	Tên đơn vị sự nghiệp giáo dục	Tổng số	Nơi đặt trụ sở *(Ghi rõ xã/phường/thị trấn hiện nay)*	Tổng số nhóm, lớp năm học 2024-2025	Số lượng người làm việc				HĐLĐ		Tình hình quản lý, sử dụng trụ sở và tài sản khác				Ghi chú
					Số lượng giao năm 2025	Số lượng hiện có tính đến ngày 20/5/2025	Số lượng nghỉ hưu, chế độ… từ ngày 20/5/2025 đến ngày 01/7/2025	Số lượng hiện có dự kiến tính đến ngày 01/7/2025	Số lượng HĐLĐ theo Nghị định số 111	Số lượng HĐLĐ khác	Số trụ sở làm việc	Diện tích trụ sở làm việc (m2)	Xe Ô tô (nếu có)	Tài sản cố định khác	
	Trường Tiểu học số 2 Thị trấn Châu Ổ	1	Thị trấn Châu Ổ	25	41	40		41			2	7.452		40	Dự kiến tiếp nhận, bố trí thêm 01 viên chức về trường
	Trường Tiểu học xã Bình Trung	1	Xã Bình Trung	24	39	39		39			4	3.765		51	
	Trường Tiểu học xã Bình Long	1	Xã Bình Long	18	32	32		32			2	11.228		47	
	Trường Tiểu học xã Bình Trị	1	Xã Bình Trị	23	35	33		35			3	11.187		41	
	Trường Tiểu học số 1 xã Bình Châu	1	Xã Bình Châu	19	31	30		31			2	8.601.5		49	Dự kiến tiếp nhận, bố trí thêm 01 viên chức về trường
	Trường Tiểu học số 2 xã Bình Châu	1	Xã Bình Châu	18	30	30		30			3	8.455		44	
	Trường Tiểu học xã Bình Đông	1	Xã Bình Đông	26	44	44		44			3	1.081.06		53	
	Trường Tiểu học xã Bình Thuận	1	Xã Bình Thuận	19	31	31		31			3	13.615.2		43	
	Trường Tiểu học số 1 xã Bình Thạnh	1	Xã Bình Thạnh	18	30	30		30			2	9.118		51	

STT	Tên đơn vị sự nghiệp giáo dục	Tổng số	Nơi đặt trụ sở *(Ghi rõ xã/phường/thị trấn hiện nay)*	Tổng số nhóm, lớp năm học 2024-2025	Số lượng người làm việc				HĐLĐ		Tình hình quản lý, sử dụng trụ sở và tài sản khác				Ghi chú
					Số lượng giao năm 2025	Số lượng hiện có tính đến ngày 20/5/2025	Số lượng nghỉ hưu, chế độ… từ ngày 20/5/2025 đến ngày 01/7/2025	Số lượng hiện có dự kiến tính đến ngày 01/7/2025	Số lượng HĐLĐ theo Nghị định số 111	Số lượng HĐLĐ khác	Số trụ sở làm việc	Diện tích trụ sở làm việc (m2)	Xe Ô tô (nếu có)	Tài sản cố định khác	
	Trường Tiểu học số 2 xã Bình Thạnh	1	Xã Bình Thạnh	22	36	36		36			2	18.467		49	
	Trường Tiểu học xã Bình Chánh	1	Xã Bình Chánh	34	53	52		53			3	15.955		99	Dự kiến tiếp nhận, bố trí thêm 01 viên chức về trường
	Trường Tiểu học số 1 xã Bình Minh	1	Xã Bình Minh	10	20	20		20			2	8.021		28	
	Trường Tiểu học số 2 xã Bình Minh	1	Xã Bình Minh	10	21	21		21			1	8.540		34	
	Trường Tiểu học xã Bình Mỹ	1	Xã Bình Mỹ	15	26	25		26			2	4.306.60		37	Dự kiến tiếp nhận, bố trí thêm 01 viên chức về trường
	Trường Tiểu học xã Bình Hiệp	1	Xã Bình Hiệp	17	30	30		30			3	11.450		27	
	Trường Tiểu học xã Bình Dương	1	Xã Bình Dương	15	28	28		28			1	10.498		42	
	Trường Tiểu học số 1 xã Bình Nguyên	1	Xã Bình Nguyên	12	24	24		24			2	7.150		43	
	Trường Tiểu học số 2 xã Bình Nguyên	1	Xã Bình Nguyên	12	25	25		25			2	8.950		38	

STT	Tên đơn vị sự nghiệp giáo dục	Tổng số	Nơi đặt trụ sở *(Ghi rõ xã/phường/thị trấn hiện nay)*	Tổng số nhóm, lớp năm học 2024-2025	Số lượng người làm việc				HĐLĐ		Tình hình quản lý, sử dụng trụ sở và tài sản khác				Ghi chú
					Số lượng giao năm 2025	Số lượng hiện có tính đến ngày 20/5/2025	Số lượng nghỉ hưu, chế độ… từ ngày 20/5/2025 đến ngày 01/7/2025	Số lượng hiện có dự kiến tính đến ngày 01/7/2025	Số lượng HĐLĐ theo Nghị định số 111	Số lượng HĐLĐ khác	Số trụ sở làm việc	Diện tích trụ sở làm việc (m2)	Xe Ô tô (nếu có)	Tài sản cố định khác	
	Trường Tiểu học xã Bình Thanh	1	Xã Bình Thanh	15	27	27		27			2	10.337		36	
	Trường Tiểu học số 2 xã Bình Hải	1	Xã Bình Hải	18	30	30		30			1	4.129		47	
	Trường Tiểu học số 1 xã Bình Hải	1	Xã Bình Hải	16	27	25		27			2	10.807		70	Dự kiến tiếp nhận, bố trí thêm 02 viên chức về trường
III	**Cấp Trung học cơ sở**	**17**	**0**	**241**	**575**	**561**	**4**	**575**	**0**	**0**	**18**	**157.327**	**0**	**690**	**0**
	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Tự Tân	1	Thị trấn Châu Ổ	12	30	29	1	30			1	5.181.8		70	Dự kiến tiếp nhận, bố trí thêm 01 viên chức về trường
	Trường Trung học cơ sở Bình Dương	1	Xã Bình Dương	11	29	29	1	29			1	6.694		44	
	Trường Trung học cơ sở Thị trấn Châu Ổ	1	Thị trấn Châu Ổ	16	37	37		37			1	5.423		13	
	Trường Trung học cơ sở Bình Châu	1	Xã Bình Châu	19	43	42		43			1	10.265		61	Dự kiến tiếp nhận, bố trí thêm 01 viên chức về trường

STT	Tên đơn vị sự nghiệp giáo dục	Tổng số	Nơi đặt trụ sở *(Ghi rõ xã/phường/thị trấn hiện nay)*	Tổng số nhóm, lớp năm học 2024-2025	Số lượng người làm việc				HĐLĐ		Tình hình quản lý, sử dụng trụ sở và tài sản khác				Ghi chú
					Số lượng giao năm 2025	Số lượng hiện có tính đến ngày 20/5/2025	Số lượng nghỉ hưu, chế độ… từ ngày 20/5/2025 đến ngày 01/7/2025	Số lượng hiện có dự kiến tính đến ngày 01/7/2025	Số lượng HĐLĐ theo Nghị định số 111	Số lượng HĐLĐ khác	Số trụ sở làm việc	Diện tích trụ sở làm việc (m2)	Xe Ô tô (nếu có)	Tài sản cố định khác	
	Trường Trung học cơ sở Bình Hải	1	Xã Bình Hải	17	38	36		38			1	11.284		40	Dự kiến tiếp nhận, bố trí thêm 02 viên chức về trường
	Trường Trung học cơ sở Bình Trị	1	Xã Bình Trị	14	31	28		31			1	11.645.2		41	Dự kiến tiếp nhận, bố trí thêm 03 viên chức về trường
	Trường Trung học cơ sở Bình Thuận	1	Xã Bình Thuận	12	28	27		28			1	8.832		54	Dự kiến tiếp nhận, bố trí thêm 01 viên chức về trường
	Trường Trung học cơ sở Bình Thạnh	1	Xã Bình Thạnh	21	46	43	1	46			1	17.975		16	Dự kiến tiếp nhận, bố trí thêm 03 viên chức về trường
	Trường Trung học cơ sở Bình Đông	1	Xã Bình Đông	16	36	36		36			1	9.994		40	
	Trường Trung học cơ sở Bình Trung	1	Xã Bình Trung	16	36	36		36			1	10.731		52	
	Trường Trung học cơ sở Bình Minh	1	Xã Bình Minh	11	31	31		31			1	6.688		23	

STT	Tên đơn vị sự nghiệp giáo dục	Tổng số	Nơi đặt trụ sở *(Ghi rõ xã/phường/thị trấn hiện nay)*	Tổng số nhóm, lớp năm học 2024-2025	Số lượng người làm việc				HĐLĐ		Tình hình quản lý, sử dụng trụ sở và tài sản khác				Ghi chú
					Số lượng giao năm 2025	Số lượng hiện có tính đến ngày 20/5/2025	Số lượng nghỉ hưu, chế độ… từ ngày 20/5/2025 đến ngày 01/7/2025	Số lượng hiện có dự kiến tính đến ngày 01/7/2025	Số lượng HĐLĐ theo Nghị định số 111	Số lượng HĐLĐ khác	Số trụ sở làm việc	Diện tích trụ sở làm việc (m2)	Xe Ô tô (nếu có)	Tài sản cố định khác	
	Trường Trung học cơ sở Bình Mỹ	1	Xã Bình Mỹ	12	29	28		29			1	11.390		39	Dự kiến tiếp nhận, bố trí thêm 01 viên chức về trường
	Trường Trung học cơ sở Bình Long	1	Xã Bình Long	9	28	28	1	28			1	6.969		40	
	Trường Trung học cơ sở Bình Hiệp	1	Xã Bình Hiệp	10	26	26		26			1	7.576		21	
	Trường Trung học cơ sở Bình Thanh	1	Xã Bình Thanh	10	27	26		27			1	9.283		34	Dự kiến tiếp nhận, bố trí thêm 01 viên chức về trường
	Trường Trung học cơ sở Bình Nguyên	1	Xã Bình Nguyên	14	32	32		32			2	11.603		50	
	Trường Trung học cơ sở xã Bình Chánh	1	Xã Bình Chánh	21	48	47		48			1	5.793		52	
IV	**Cấp TH&THCS**	**6**	**0**	**139**	**274**	**272**	**0**	**274**	**0**	**0**	**18**	**131.479**	**0**	**313**	**0**
	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở xã Bình Hòa	1	Xã Bình Hòa	26	49	48		49			2	23.328		58	Dự kiến tiếp nhận, bố trí thêm 01 viên chức về trường

STT	Tên đơn vị sự nghiệp giáo dục	Tổng số	Nơi đặt trụ sở *(Ghi rõ xã/phường/thị trấn hiện nay)*	Tổng số nhóm, lớp năm học 2024-2025	Số lượng người làm việc				HĐLĐ		Tình hình quản lý, sử dụng trụ sở và tài sản khác				Ghi chú
					Số lượng giao năm 2025	Số lượng hiện có tính đến ngày 20/5/2025	Số lượng nghỉ hưu, chế độ… từ ngày 20/5/2025 đến ngày 01/7/2025	Số lượng hiện có dự kiến tính đến ngày 01/7/2025	Số lượng HĐLĐ theo Nghị định số 111	Số lượng HĐLĐ khác	Số trụ sở làm việc	Diện tích trụ sở làm việc (m2)	Xe Ô tô (nếu có)	Tài sản cố định khác	
	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở xã Bình Tân Phú	1	Xã Bình Tân Phú	27	52	51		52			4	23.628		70	Dự kiến tiếp nhận, bố trí thêm 01 viên chức về trường
	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở xã Bình Khương	1	Xã Bình Khương	19	40	40		40			3	25.802		39	
	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở xã Bình An	1	Xã Bình An	22	43	43		43			3	18.434		58	
	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở xã Bình Phước	1	Xã Bình Phước	22	43	43		43			3	18.923		56	
	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở xã Bình Chương	1	Xã Bình Chương	23	47	47		47			3	21.364		32	
	TỔNG CỘNG	**67**	**0**	**1.004**	**2.092**	**2.067**	**6**	**2.092**	**0**	**0**	**147**	**602.525.620**	**0**	**2.581**	**0**